

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2015/QĐ-UBND

*Quảng Trị, ngày 21 tháng 8 năm 2015*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của liên bộ Tài chính và Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của liên bộ Tài chính và Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 HĐND tỉnh quy định mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên

địa bàn tỉnh Quảng Trị (có các Phụ lục kèm theo), cụ thể như sau:

1. Mức chi cho công tác xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp được áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định thực hiện một hay nhiều hoạt động trong công tác xây dựng, hoàn thiện và kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp.

Không áp dụng quy định mức chi tại Quyết định này đối với công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa các văn bản quản lý điều hành, văn bản hành chính thông thường của HĐND, UBND các cấp.

2. Mức chi quy định tại Quyết định này là mức chi tối đa; Trên cơ sở mức chi tại Quyết định này, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các cấp căn cứ vào khả năng ngân sách, kinh phí thường xuyên được bố trí hàng năm để cân đối, thực hiện các mức chi theo quy định.

3. Các quy định khác liên quan đến nội dung chi, mức chi, chế độ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí xây dựng, hoàn thiện và kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của liên bộ Tài chính và Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của liên bộ Tài chính và Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND.

**Điều 2.** Kinh phí phục vụ cho công tác xây dựng, hoàn thiện và kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của cấp nào thì được bố trí từ nguồn ngân sách của cấp đó theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Chính**

**Phụ lục số I****Mức chi cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị***(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2015/UBND ngày 21 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| Nội dung chi  |  | Đơn vị tính  | Cấp tỉnh                                     | Cấp huyện                                   | Cấp xã |
|---|--|--------------|--|---|--------|
| 1. Xây dựng đề cương  | a) Nghị quyết  | Đề cương     | 750  | 600   | 450    |
|   | b) Quyết định  |              | 750  | 550   | 400    |
|   | c) Chỉ thị   |              | 500  | 300   | 200    |
| 2. Soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật   | a) Nghị quyết  | Văn bản      | 3.200  | 2.500                                       | 1.500  |
|   | b) Quyết định  |              | 2.600  | 1.500                                       | 800    |
|   | c) Chỉ thị   |              | 1.500  | 1.000                                       | 500    |
| 3. Soạn thảo văn bản thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật   |  | Văn bản      | 500  | 300   |        |
| 4. Soạn thảo văn bản góp ý  |  | Văn bản      | 200  | 150   | 100    |
| 5. Chính lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, dự thảo văn bản  |  | Lần chỉnh lý | 150  | 100   | 70     |
| 6. Họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ cho công tác lập dự kiến chương trình xây dựng nghị quyết của HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND; chỉ cho cuộc họp soạn thảo, chỉnh lý dự thảo; thẩm định, thẩm tra dự thảo nghị quyết của HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND | a) Cá nhân tham gia  | Người/buổi   | - Chủ trì: 150;<br>- Thành viên tham dự: 100 | - Chủ trì: 100;<br>- Thành viên tham dự: 70 |        |
|   | b) Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham gia                 | Văn bản      | 200  | 150   | 100    |
| 7. Soạn thảo báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản  | a) Báo cáo/bản tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo văn bản              | Văn bản      | 200  | 100   | 70     |
|   | b) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; ý kiến thẩm định, thẩm tra | Văn bản      | 300  | 200   | 100    |
|   | c) Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật                        | Văn bản      | 2.400  | 1.200                                       | 800    |

- Căn cứ dự toán kinh phí được giao và tính chất phức tạp của mỗi văn bản, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức được giao chủ trì soạn thảo phân bổ mức kinh phí cho từng văn bản cho phù

hợp, nhưng tổng mức phân bổ kinh phí để thực hiện các nội dung chi và mức chi không được vượt quá mức không chế tối đa quy định dưới đây:

+ Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND, mức chi tối đa 9.000.000 đồng/văn bản đối với cấp tỉnh; mức chi tối đa 7.000.000 đồng/văn bản đối với cấp huyện; mức chi tối đa 5.500.000 đồng/văn bản đối với cấp xã;

+ Đối với Chỉ thị của UBND, mức chi tối đa 3.500.000 đồng/văn bản đối với cấp tỉnh; mức chi tối đa 2.500.000 đồng/văn bản đối với cấp huyện; mức chi tối đa 2.000.000 đồng/văn bản đối với cấp xã;

+ Đối với các văn bản quy phạm pháp luật trong một số lĩnh vực có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành (từ 03 ngành trở lên), nhiều lĩnh vực có thể chi ở mức cao hơn nhưng không quá 10.500.000 đồng/văn bản đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp tỉnh; không quá 8.000.000 đồng/văn bản đối với dự thảo Nghị quyết HĐND, Quyết định của UBND cấp huyện.

- Đối với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung thì định mức chi tối đa không quá 70% định mức chi tối đa đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế.

**Phụ lục số II**  
**Mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý rà soát và hệ thống hóa văn bản**  
**quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2015/UBND*  
*ngày 21 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| Nội dung chi   |  | Đơn vị tính | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã |
|--|--|-------------|----------|-----------|--------|
| 1. Họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra | a) Chủ trì   | Người/buổi  | 150      | 150       | 100    |
|  | b) Thành viên tham dự  | Người/buổi  | 100      | 100       | 100    |
| 2. Rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản   |  | Văn bản     | 100      | 70        | 50     |
| 3. Thù lao công tác viên kiểm tra văn bản  | a) Văn bản quy phạm pháp luật thông thường   | Văn bản     | 140      | 100       |        |
|  | b) Văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp  | Văn bản     | 300      | 150       |        |
| 4. Lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản được kiểm tra thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp hoặc có dấu hiệu trái pháp luật cần phải lấy ý kiến chuyên gia   |  | Văn bản     | 600      | 300       |        |
| 5. Hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản  |  | Văn bản     | 100      | 70        | 50     |
| 6. Soạn thảo, viết báo cáo   | a) Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật  | Văn bản     | 200      | 150       | 100    |
|  | b) Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực | Văn bản     | 1.000    | 600       | 300    |

Mức chi cho các công tác khác liên quan đến công tác kiểm tra văn bản như chi làm ngoài giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm, được căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.